TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2024/QĐST- DS,	*Quận 7, ngày 18 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10/01/2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 413/2023/TLST-DS ngày 10/10/2023 về việc *"Tranh chấp thừa kế"*.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị B sinh năm 1952; địa chỉ: Số C L, Khu phố A, phường T, Quận G, Tp ..

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Lý Thị B: Bà Phạm Thị Y sinh năm 1984; địa chỉ: Số C đường D, phường B, quận B, Tp . (Văn bản ủy quyền ngày 23/5/2023).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành D sinh năm 1972; địa chỉ: Số C L, Khu phố A, phường T, Quận G, Tp ..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T sinh năm 1973; địa chỉ: Số C L, Khu phố A, phường T, Quận G, Tp ..

2. Bà Nguyễn Thị Thanh T1 sinh năm 1975; địa chỉ: Số C L, Khu phố A, phường T, Quận G, Tp ..

3. Bà Nguyễn Thị Tâm E sinh năm 1977; địa chỉ: Số C L, Khu phố A, phường T, Quận G, Tp ..

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Tâm E: Ông Nguyễn Thanh P sinh năm 1983; địa chỉ: 6

N, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 18/11/2023)

4. Bà Kiều Thị T2 sinh năm 1957: địa chỉ: Thôn 7, xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

5. Bà Nguyễn Thị Mỹ D1 sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp 4, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

6. Bà Nguyễn Thị Hồng N sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 7, xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc xác định diện, hàng thừa kế:

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn S được xác định gồm: Bà Lý Thị B, bà Kiều Thị T2, ông Nguyễn Thành D, bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thanh Tâm E1, bà Nguyễn Thị Mỹ D1, bà Nguyễn Thị Hồng N.

2.2. Về xác định di sản thừa kế:

2.2.1. Di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn S là số tiền 6.461.518.817 đồng (do Ủy ban nhân dân Quận G hỗ trợ bồi thường cho một phần nhà đất tại địa chỉ Số C L, Khu phố A, phường T, Quận G, Tp . theo Quyết định số 7867/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng cầu R, Quận G - huyện N đối với ông Nguyễn Thành D và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn S với diện tích thu hồi là 95.9m^2).

Trước khi chết, ông Nguyễn Văn S không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ về tài sản.

2.2.2. Các đương sự xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn S là số tiền 6.461.518.817 đồng (do Ủy ban nhân dân Quận G hỗ trợ bồi thường cho một phần nhà đất tại địa chỉ Số C L, Khu phố A, phường T, Quận G, Tp . theo Quyết định số 7867/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng cầu R, Quận G - huyện N đối với ông Nguyễn Thành D và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn S với diện tích thu hồi là 95.9m^2).

2.3. Việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế:

2.3.1. Những người thuộc diện hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn S là bà Kiều Thị T2, bà Nguyễn Thị Mỹ D1, bà Nguyễn Thị Hồng N đều tự nguyện nhường (cho) phần di sản thừa kế được hưởng cho ông Nguyễn Thành D theo Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế ngày 04/01/2023.

2.3.2. Chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Nguyễn Văn S để lại là số tiền 6.461.518.817 đồng (do Ủy ban nhân dân Quận G hỗ trợ bồi thường cho một phần nhà đất tại địa chỉ Số C L, Khu phố A, phường T, Quận G, Tp . theo Quyết định số 7867/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng cầu R, Quận G - huyện N đối với ông Nguyễn Thành D và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn S với diện tích thu hồi là 95.9m^2) như sau:

2.3.2.1. Số tiền bồi thường hỗ trợ về đất là số tiền 6.280.740.550 đồng, mỗi đồng thừa kế được chia 1 phần, cụ thể:

- Bà Lý Thị B được chia số tiền là 785.092.568 đồng,
- Ông Nguyễn Thành D được chia số tiền là 785.092.568 đồng,
- Bà Nguyễn Thị Thanh T được chia số tiền là 785.092.568 đồng,
- Bà Nguyễn Thị Thanh T1 được chia số tiền là 785.092.568 đồng,
- Bà Nguyễn Thị Thanh T1 Em được chia số tiền là 785.092.568 đồng,
- Bà Kiều Thị T2 được chia số tiền là 785.092.568 đồng,
- Bà Nguyễn Thị Mỹ D1 được chia số tiền là 785.092.568 đồng,
- Bà Nguyễn Thị Hồng N được chia số tiền là 785.092.568 đồng,

Do bà Kiều Thị T2, bà Nguyễn Thị Mỹ D1, bà Nguyễn Thị Hồng N đều tự nguyện nhường (cho) phần di sản thừa kế được hưởng cho ông Nguyễn Thành D nên tổng số tiền bồi thường hỗ trợ về đất ông D được nhận là 785.092.568 đồng + 785.092.568 đồng + 785.092.568 đồng + 785.092.568 đồng = 3.140.370.272 đồng

2.3.2.2. Số tiền bồi thường, hỗ trợ về công trình, cấu trúc xây dựng trên đất là số tiền 180.778.267 đồng được chia như sau:

- Ông Nguyễn Thành D được chia số tiền là 100.000.000 đồng,
- Bà Lý Thị B được chia số tiền là 11.539.752 đồng,
- Bà Nguyễn Thị Thanh T được chia số tiền là 11.539.752 đồng,
- Bà Nguyễn Thị Thanh T1 được chia số tiền là 11.539.752 đồng,
- Bà Nguyễn Thị Thanh T1 Em được chia số tiền là 11.539.752 đồng,
- Bà Kiều Thị T2 được chia số tiền là 11.539.752 đồng,
- Bà Nguyễn Thị Mỹ D1 được chia số tiền là 11.539.752 đồng,
- Bà Nguyễn Thị Hồng N được chia số tiền là 11.539.752 đồng,

Do bà Kiều Thị T2, bà Nguyễn Thị Mỹ D1, bà Nguyễn Thị Hồng N đều tự nguyện nhường (cho) phần di sản thừa kế được hưởng cho ông Nguyễn Thành D nên tổng số tiền bồi thường hỗ trợ về công trình, cấu trúc xây dựng trên đất ông D được nhận là: 100.000.000 đồng + 11.539.752 đồng + 11.539.752 đồng + 11.539.752 đồng = 134.619.256 đồng.

2.4. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Lý Thị B chịu tiền án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự là 17.932.646 đồng nhưng bà B thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí và được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T chịu tiền án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự là 17.932.646 đồng,

- Bà Nguyễn Thị Thanh T1 chịu tiền án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự là 17.932.646 đồng

- Bà Nguyễn Thị Thanh T1 Em chịu tiền án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự là 17.932.646 đồng,

- Ông Nguyễn Thành D chịu tiền án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự là 48.749.895 đồng nhưng bà Lý Thị B tự nguyện chịu thay. Do đó, bà Lý Thị B chịu tiền án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự là 48.749.895 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Xuân Duyên